

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2024/DSST
Ngày 09/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Minh Nam.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tiến; Ông Kiều Văn Dậu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST – DS ngày 06/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 11/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1961 (có mặt).

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (có mặt).

Trú tại: thôn Ng, xã T, huyện YP, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn trình bày thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Trịnh Thị M trình bày: Do có quan hệ quen biết nên bà có cho chị Ngô Thị L sinh năm 1979 vay tiền nhiều lần. Đến ngày 01/01/2021 hai bên chốt nợ thì tổng số tiền bà cho chị L vay là 128.000.000 VNĐ. Chị L có viết giấy nhận nợ và ký tên.

Về tiền lãi suất bà có thỏa thuận với chị L là 2 phân nhưng sau chị L không trả được và có thỏa thuận miệng lại với chị L là 1,5%/tháng.

Về thời hạn vay thì bà và chị L vay không thỏa thuận về thời hạn khi nào phải trả mà khi cần thì chỉ cần báo trước là được.

Thời gian trước tháng 01 năm 2021, do hoàn cảnh gia đình chị L khó khăn nên bà đã cho chị vay tiền mà không đòi, đến tháng 4-5 năm 2021, khi được tin chị L làm ăn thua lỗ nên bà đã sang đòi nhiều lần nhưng chị L vẫn khất lần không trả.

Nay, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh buộc chị L phải thanh toán cho tôi số tiền gốc là 128.000.000 (Một trăm hai mươi tám triệu

đồng); về phần tiền lãi là 69.120.000 VNĐ; tổng số tiền phải trả là 197.120.000 VNĐ (Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Bị đơn là chị Ngô Thị L trình bày: Do có quan hệ quen biết với bà Trịnh Thị M nên từ năm 2011 đến năm 2021 chị có vay tiền của bà M làm nhiều lần. Tính đến ngày 01/01/2021 tổng số tiền là chị còn nợ bà M là 128.000.000 (Một trăm hai mươi tám triệu đồng).

Khi vay hai bên không có giấy tờ gì mà chỉ có thỏa thuận về lãi suất 2%/tháng và không thỏa thuận về thời gian trả nợ.

Năm 2011 – 2020, chị vẫn trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Đến năm 2017, chồng chị đi viện, gia đình gặp khó khăn không có khả năng đóng lãi nên giữa chị và bà M phát sinh tranh chấp.

Đến nay bà M khởi kiện ra Tòa yêu cầu tôi phải trả số tiền gốc là 128.000.000 VNĐ và lãi suất chị xác nhận nợ số tiền trên và đồng ý trả nhưng do hiện nay gia đình gặp rất nhiều khó khăn về vấn đề kinh tế, bản thân chị thường xuyên đau ốm nên chị xin được trả dần bà M số tiền trên, cụ thể mỗi tháng trả từ 1.000.000 – 2.000.000 VNĐ/tháng và chị xin bà M số tiền lãi.

Việc vay nợ giữa chị và bà M là do một mình chị giao dịch không liên quan gì đến chồng con. Chị cam đoan một mình chị có trách nhiệm trả bà M số tiền trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trịnh Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn là chị Ngô Thị L phải trả số tiền gốc là 128.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính đến hết tháng 4/2024.

Bị đơn là chị Ngô Thị L xác nhận còn nợ bà M số tiền gốc là 128.000.000đ và xin được trả dần số tiền trên, lãi suất chị xin bà M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điều 463, 464, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị M.

- Buộc chị Ngô Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị M số tiền gốc là 128.000.000đ và lãi suất tính đến hết tháng 4/2024 là 41.660.000đ.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Trịnh Thị M yêu cầu chị Ngô Thị L phải trả số tiền gốc và lãi là 128.000.000đ và lãi suất. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là chị Ngô Thị L hiện đang cư trú tại thôn Vọng Nguyệt, xã tam Giang, huyện Yên Phong nên Tòa án nhân dân huyện Yên Phong thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Trịnh Thị M và chị Ngô Thị L là hợp pháp. Khi giao kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, những thỏa thuận của các bên về thời hạn vay, lãi suất đều tự nguyện và phù hợp các quy định của pháp luật. Theo nội dung giấy nhận nợ ngày 01/01/2021 tổng số tiền chị L còn nợ bà M là 128.000.000đ và không thỏa thuận về thời gian trả nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận ngoài với nhau. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có thỏa thuận về lãi suất. Do gặp khó khăn về kinh tế nên chị L không thanh toán trả lãi cho bà M theo thỏa thuận dẫn đến phát sinh tranh chấp. Việc chị L không thanh toán trả nợ cho bà M khi bà M có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M HĐXX nhận thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ bởi: Việc vay nợ giữa bà M và chị L là hợp pháp, khi vay tiền giữa các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận giữa các bên về lãi suất, thời hạn vay đều tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật. Theo nội dung giấy nhận nợ ngày 01/01/2021 thì tổng số tiền chị L còn nợ bà M là 128.000.000đ. Trong giấy nhận nợ hai bên không thỏa thuận về thời gian trả nợ, còn lãi suất hai bên thỏa thuận ngoài với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận đây là các khoản vay có lãi suất. Nay bà M yêu cầu chị L phải trả số tiền gốc là 128.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật tính đến hết tháng 4/2024. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận để buộc chị L phải trả cho bà M số tiền gốc là 128.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/01/2021 đến hết tháng 4/2024 là 41.600.000đ: tiền gốc là 128.000.000đ x 39 tháng (từ tháng 01/2021 đến hết tháng 4/2024) x lãi suất 10%/năm = 41.600.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi chị L phải trả cho bà M là 169.600.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận, nên chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 463, 464, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị M.

2. Buộc chị Ngô Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị M số tiền gốc là 128.000.000đ và lãi suất tính đến hết tháng 4/2024 là 41.600.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi chị L phải trả cho bà M là 169.600.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 8.480.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Toà án tỉnh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Chu Minh Nam

